

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

VNIndex tăng điểm nhờ tâm lý nhà đầu tư được cải thiện

## [Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm

## [Cổ phiếu tác động đến thị trường]

REE, HPG

## [Quan điểm đầu tư]

Kê lệnh mua lại từng phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ 92x

11/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	934.67	+0.42
VN30	856.39	+0.41
HĐTL VN30	850.30	+0.50
HNXIndex	104.78	+0.78
HNX30	183.69	+1.10
UPCoM	55.67	+0.54
USD/VNĐ	VND23,242	-0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.08	+2
Lãi suất qua đêm (%)	2.24	+4
Dầu (WTI, \$)	49.57	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,570.00	-0.14



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 934.67 (+0.42%)  
**KLGD (triệu CP)** 159.3 (+22.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 136.7 (+15.6%)

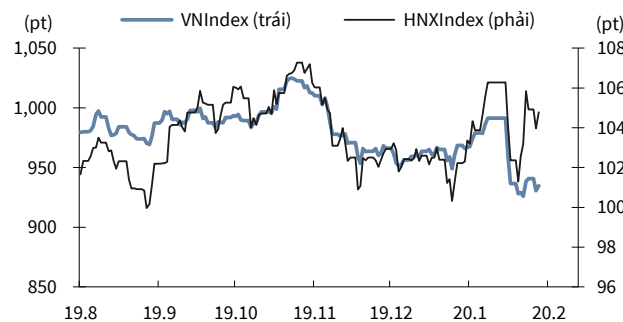
**HNXIndex** 104.78 (+0.78%)  
**KLGD (triệu CP)** 26.3 (-8.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 11.4 (-6.1%)

**UPCoM** 55.67 (+0.54%)  
**KLGD (triệu CP)** 7.7 (+14.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 4.4 (-6.2%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -2.8

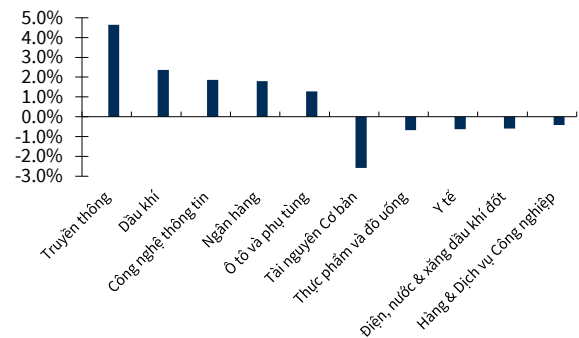
Chỉ số VNIndex quay trở lại xu hướng tăng điểm sau khi tâm lý nhà đầu tư được cải thiện nhờ báo cáo Khảo sát của PwC cho thấy các lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam lạc quan về triển vọng phát triển trong năm 2020. Niềm tin về triển vọng vĩ mô, cùng kỳ vọng lạm phát sẽ sớm hạ nhiệt nhờ nguồn cung thặng lợi gia tăng (theo bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) cũng là nguyên nhân giúp dòng tiền chảy mạnh vào nhóm cổ phiếu ngân hàng (BID, CTG, VPB), giúp nhóm này tăng điểm đồng loạt. Ở chiều ngược lại, thông tin HPG đẩy mạnh đầu tư giai đoạn mở rộng dự án Dung Quất khiến cổ phiếu này sụt giảm mạnh, kéo theo đà giảm ở các cổ phiếu khác trong ngành thép (NKG, HSG, TLH) do lo ngại tình trạng dư cung. Các cổ phiếu hạ tầng (CTD, ROS) tiếp tục có phiên tăng giá mạnh. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở MSN, VNM, HPG.

## VN Index & HNX Index



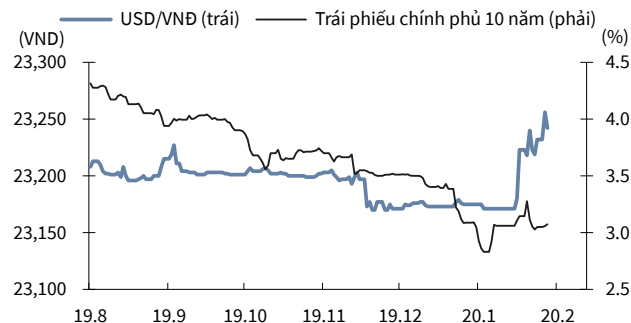
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



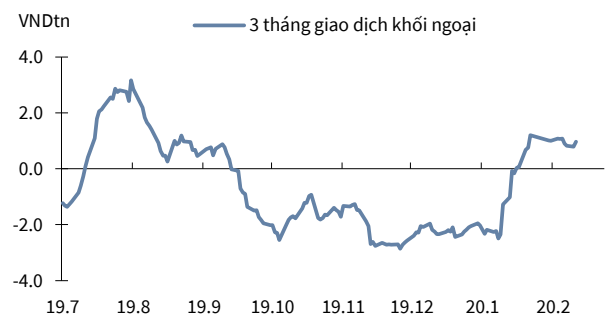
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

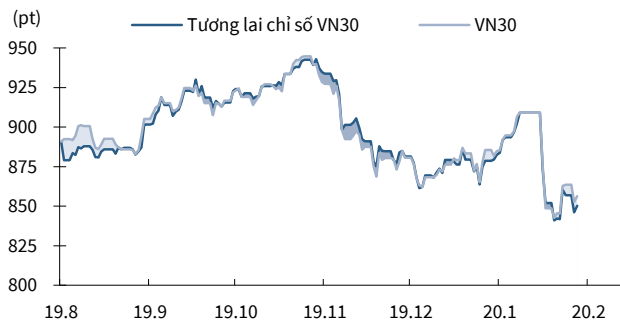
# Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

**VN30** **856.39 (+0.41%)**  
**VN30 tương lai** **850.3 (+0.50%)**  
**Mở cửa** **849.0**  
**Cao nhất** **856.5**  
**Thấp nhất** **847.1**

Cả 4 HĐTL đều tăng điểm, với F2002 tăng mạnh hơn chỉ số VN30 Index, giúp chênh lệch âm được thu hẹp xuống còn -6.1 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm, xuống mức thấp trong 8 phiên trở lại đây. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch sôi động trở lại, mua ròng ở F2002.

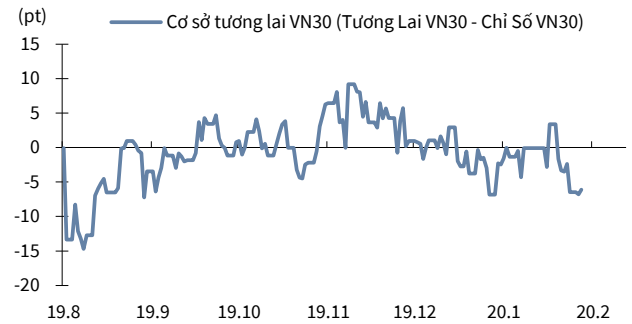
**Hợp đồng** **104,261 (-3.0%)**  
**KL HĐ mở OI** **N/A**

## HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



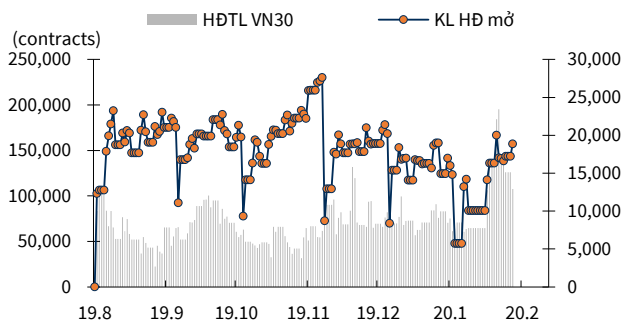
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



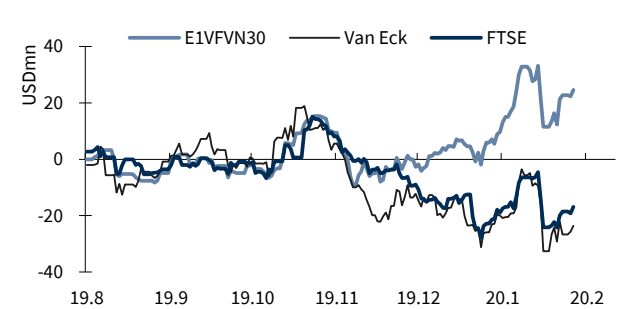
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

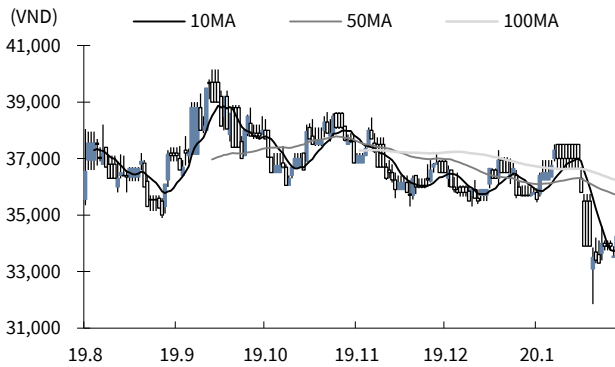
## Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

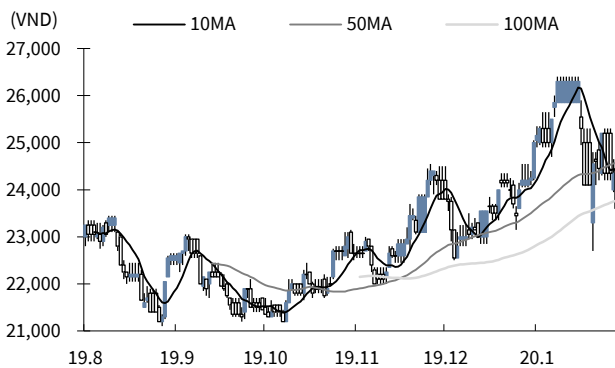
## Cơ Điện Lạnh (REE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE tăng 2.1% lên 34,250 VND/cp.
- REE được đăng ký mua vào bởi cổ đông lớn nội bộ là quỹ ngoại Platinum Victory Pte. Ltd với khối lượng hơn 3.05 triệu cổ phiếu. Giao dịch được diễn ra từ ngày 13/2 đến 13/3 theo phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh. Nếu giao dịch thành công, Platinum Victory Pte. Ltd sẽ nâng sở hữu tại REE từ 29.01% lên 29.99%.

## Hòa Phát (HPG)



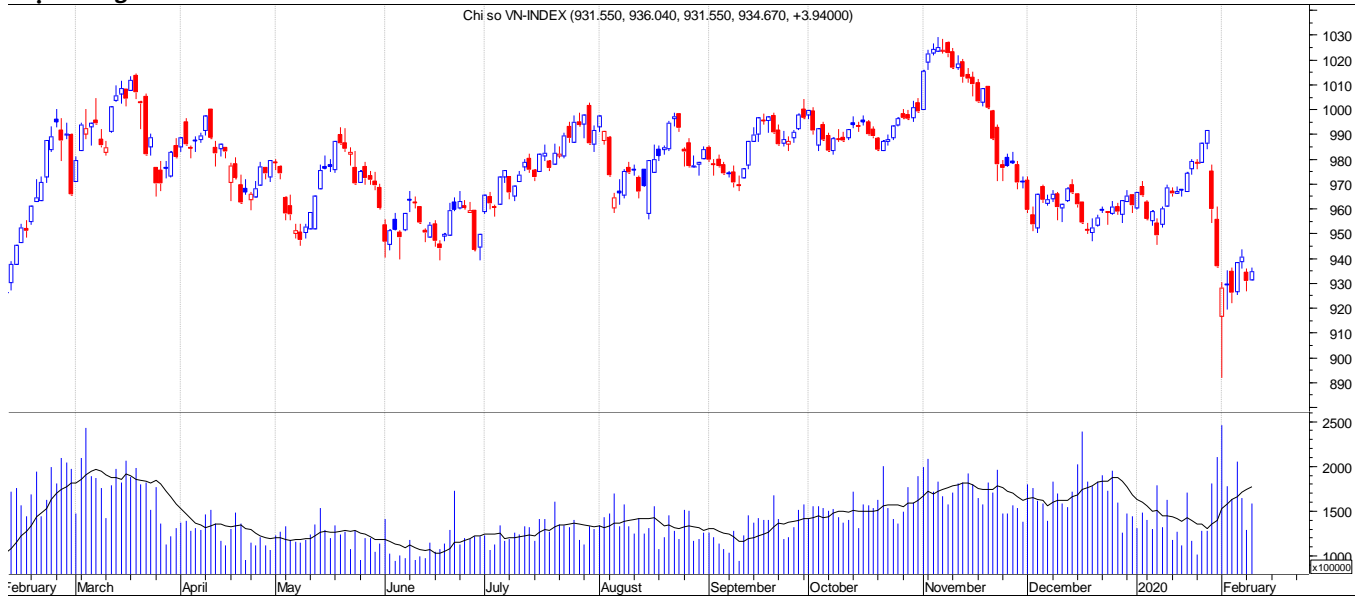
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm -3.1% xuống 23,600 VND/cp.
- HPG chuẩn bị thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nhằm thông qua việc triển khai giai đoạn mở rộng khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, tổng vốn đầu tư là 60,000 tỷ đồng.
- Quy mô giai đoạn mở rộng là 5 triệu tấn thép bao gồm 3 triệu tấn thép tấm cuộn HRC, 1 triệu tấn thép hình cỡ trung, 0.5 triệu tấn thép dây cuộn chất lượng cao, 0.5 triệu tấn thép tròn cơ khí chế tạo. Diện tích đất sử dụng khoảng 166 ha.

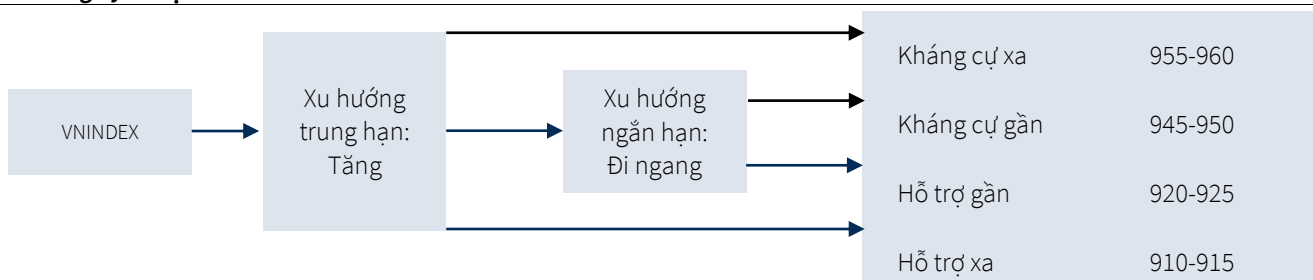
# Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

## Xu Hướng Kỹ Thuật

### Thị Trường Cơ Sở



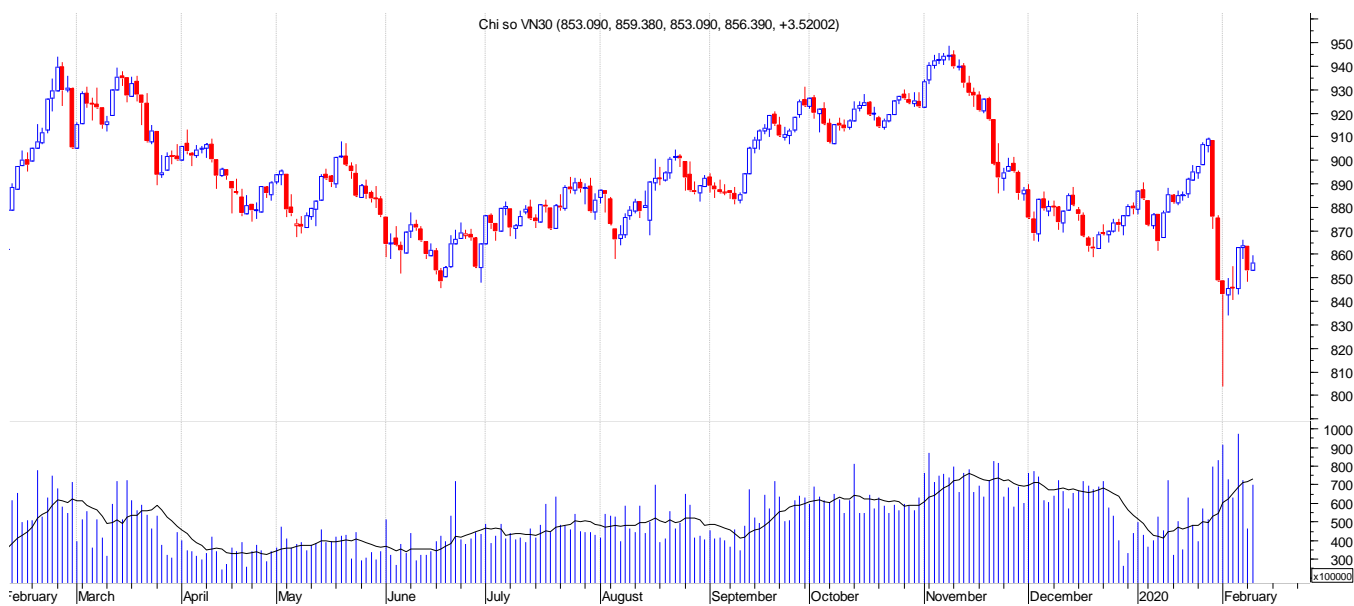
### Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến hồi phục trong trạng thái khá giằng co trước khi suy yếu về cuối phiên, đồng thời tạo 1 mẫu hình nến "inside bar".
- Trạng thái xu hướng hiện vẫn khá trung tính và chúng tôi tiếp tục nghiêng về kịch bản xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh linh xình trong những phiên tới.
- NĐT được khuyến nghị chỉ kê lệnh mua lại từng phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ 92x.

## Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VN30 cũng ghi nhận phiên hồi phục nhưng với mẫu nến "inside bar" không mấy tích cực.
- Trạng thái xu hướng hiện vẫn khá trung tính và chúng tôi tiếp tục nghiêng về kịch bản xuất hiện thêm nhịp điều chỉnh linh xình trong những phiên tới.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị chỉ trải lệnh từng phần vị thế LONG khi chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ 84x.

# KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

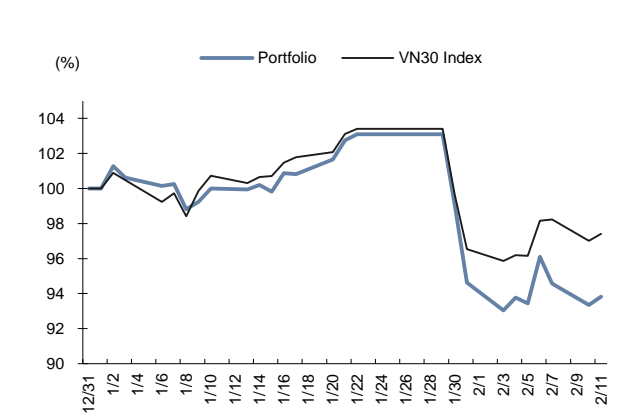
Khối Phân Tích KBSV

## Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.41%	0.51%
Tăng lũy kế (YTD)	-2.58%	-6.18%

## So Sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	106,500	0.7%	-8.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,100	-0.4%	-2.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	81,500	0.0%	6.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,200	1.0%	7.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	34,250	2.1%	0.7%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	53,600	1.9%	39.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,750	4.3%	13.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	129,000	0.0%	1.6%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,600	-3.1%	0.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	16,200	0.6%	-8.3%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khôì ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	1.0%	33.0%	30.0
VCB	0.3%	23.8%	15.4
PLX	2.3%	13.3%	10.3
VHM	0.0%	15.0%	10.0
PVD	2.7%	18.5%	7.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khôì ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-1.2%	2.3%	0.6
SHS	0.0%	11.1%	0.5
PVC	3.3%	13.3%	0.5
TNG	0.7%	16.2%	0.5
HAD	0.0%	8.5%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	6.7%	TCH, HHS
Hóa chất	5.6%	PHR, AAA
Truyền thông	5.4%	AAA, YEG
Dầu khí	4.6%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.5%	GAS, PGD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	13.7%	TCH, HHS
Truyền thông	5.2%	YEG, AAA
Y tế	4.2%	DHG, IMP
Ngân hàng	3.0%	CTG, VPB
Bất động sản	-1.9%	SJS, NVT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-3.5%	HPG, DTL
Y tế	-2.1%	DHG, DCL
Bán lẻ	-0.8%	MWG, SBV
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%	PNJ, TLG
Ngân hàng	-0.4%	BID, VCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-12.8%	VJC, HVN
Thực phẩm và đồ uống	-11.2%	SAB, VNM
Bảo hiểm	-11.0%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-7.6%	GAS, POW
Bán lẻ	-6.0%	MWG, SBV



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	113,400	383,568 (16,503)	56,476 (2.4)	22.0	40.5	25.7	48.4	8.2	18.9	4.4	3.9	-0.3	-1.2	-1.2	-1.4
	VHM	VINHOMES JSC	86,200	283,556 (12,200)	68,272 (2.9)	34.0	10.5	8.4	38.0	36.7	32.3	3.4	2.4	0.0	0.6	2.0	1.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	31,400	71,351 (3,070)	47,671 (2.1)	16.0	20.8	16.7	17.1	10.9	11.8	2.3	2.1	1.0	7.4	-7.5	-7.6
	NVL	NOVA LAND INVES	54,200	52,549 (2,261)	24,908 (1.1)	31.7	18.0	16.0	-7.7	12.4	12.1	2.1	-	0.2	-1.5	-2.9	-8.9
	KDH	KHANGDIENHOUSE	25,000	13,611 (586)	4,099 (0.2)	4.4	11.2	10.1	20.7	15.1	14.8	1.6	1.5	0.4	1.2	-2.3	-7.1
	DXG	DAT XANH GROUP	12,650	7,669 (330)	30,402 (1.3)	5.4	4.4	3.1	3.3	18.0	22.7	0.8	-	2.4	18.2	-5.6	-12.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,200	330,832 (14,234)	109,300 (4.7)	6.2	15.8	13.8	24.5	24.2	22.1	3.0	2.6	0.3	-0.7	-0.3	-1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	50,800	204,319 (8,791)	52,504 (2.3)	12.0	23.2	19.1	15.9	13.7	14.5	2.4	2.3	3.5	-6.6	-1.0	10.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,150	77,528 (3,336)	65,387 (2.8)	0.0	7.0	6.1	8.1	17.0	16.4	1.1	0.9	1.4	1.8	-4.3	-5.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	27,750	103,324 (4,445)	214,739 (9.3)	0.3	10.7	7.3	33.5	13.8	17.0	1.2	1.1	4.3	3.2	17.8	32.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	25,400	61,919 (2,664)	96,438 (4.2)	0.0	6.5	5.7	13.6	20.9	19.6	1.2	1.0	3.3	8.3	20.7	27.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,200	49,759 (2,141)	147,541 (6.4)	0.0	5.9	5.0	15.5	20.9	20.4	1.1	0.9	1.0	0.2	-0.9	1.9
	HDB	HDBANK	29,000	27,916 (1,201)	48,965 (2.1)	6.4	7.6	6.7	12.8	19.5	19.6	1.4	1.2	-1.7	5.3	3.2	5.3
	STB	SACOMBANK	11,350	20,471 (881)	82,449 (3.6)	11.4	7.0	5.5	56.6	10.3	13.2	0.7	0.6	3.7	11.3	8.1	12.9
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (747)	2,157 (0.1)	0.0	5.4	4.7	33.5	22.4	21.3	1.1	-	0.5	0.0	-2.3	-0.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,550	21,577 (928)	2,330 (0.1)	0.0	23.2	23.9	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	0.6	0.0	-2.5	-1.4
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	57,800	42,906 (1,846)	11,265 (0.5)	19.5	30.7	12.6	8.0	8.8	16.6	2.3	2.0	0.5	3.8	-13.7	-15.7
	BMI	BAOMINHINSURANC	24,100	2,202 (095)	1,038 (0.0)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	-2.4	-2.8	-2.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,450	9,040 (389)	36,596 (1.6)	44.9	4.0	7.5	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	-0.6	2.6	-4.6	-3.3
	VCI	VIETCAPITAL SEC	26,500	4,355 (187)	1,147 (0.0)	64.0	7.3	6.1	-14.5	14.1	14.8	1.0	0.9	0.4	-1.1	-8.0	-10.2
	HCM	HOCHIMINH CITY	18,450	5,637 (243)	25,899 (1.1)	44.3	10.8	6.4	-16.4	12.5	17.7	1.2	1.1	0.5	2.2	-12.1	-13.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,150	2,951 (127)	3,288 (0.1)	8.9	8.1	6.2	-4.2	12.5	15.1	0.9	0.8	2.2	1.1	-1.0	-1.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	107,200	186,676 (8,031)	124,723 (5.4)	41.2	18.0	17.2	7.1	39.1	38.6	6.1	5.5	-1.7	2.1	-9.8	-8.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	194,000	124,409 (5,353)	9,203 (0.4)	36.6	21.9	16.7	19.7	32.0	36.8	6.1	5.5	-0.5	-4.4	-16.9	-14.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	49,900	58,330 (2,510)	43,640 (1.9)	9.9	15.0	12.2	-19.9	11.7	13.1	1.4	1.3	0.0	-0.2	-11.7	-11.7
	HNG	HOANGANH GIA LA	13,600	15,076 (649)	3,822 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.7	-3.2	-2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	129,000	67,575 (2,907)	62,606 (2.7)	10.5	11.1	8.9	10.1	37.8	40.5	3.4	2.7	0.0	0.0	-11.8	-11.8
	GMD	GEMADEPT CORP	19,100	5,671 (244)	9,413 (0.4)	0.0	10.1	9.9	-44.5	9.2	9.1	0.9	0.9	-1.0	1.6	-13.2	-18.0
	CII	HOCHIMINH CITY	23,850	5,911 (254)	12,310 (0.5)	19.1	7.1	9.6	202.7	17.5	12.8	0.9	-	0.2	-1.4	0.2	6.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	8,620	4,893 (211)	41,046 (1.8)	44.8	-	-	-	-	-	-	-	6.9	6.7	-29.1	-50.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	18,950	9,252 (398)	11,439 (0.5)	33.5	9.6	7.4	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	0.0	-0.3	-3.8	-2.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	63,000	4,806 (207)	10,224 (0.4)	2.2	7.5	9.3	-30.7	7.8	6.1	0.5	-	3.8	25.7	27.1	22.8
	REE	REE	34,250	10,619 (457)	28,924 (1.2)	0.0	6.0	5.3	-0.6	15.7	15.0	0.9	-	2.1	2.5	-4.1	-5.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	85,600	163,834 (7,049)	27,407 (1.2)	45.3	14.3	13.2	-0.4	23.8	24.7	3.1	2.9	-1.4	4.4	-10.7	-8.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,900	6,017 (259)	4,084 (0.2)	30.3	8.1	7.5	-0.9	18.8	19.7	-	-	2.5	10.0	10.0	-3.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,300	8,432 (363)	4,709 (0.2)	32.6	9.2	8.9	-9.1	16.3	16.6	1.5	-	-1.7	4.0	2.9	-2.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHAT GRP JSC	23,600	65,161 (2,803)	203,566 (8.8)	10.4	7.6	6.2	1.6	17.6	18.8	1.2	1.0	-3.1	-4.1	-2.5	0.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,700	4,579 (197)	4,232 (0.2)	30.2	10.2	7.7	-16.2	6.3	7.9	0.6	0.6	0.4	1.3	-8.2	-9.7
	DCM	PETROCA MAU FER	5,930	3,139 (135)	1,208 (0.1)	46.8	-	9.7	-	5.3	5.1	0.5	0.5	2.2	3.1	-0.8	-8.8
	HSG	HOA SENG GROUP	7,840	3,318 (143)	47,647 (2.1)	30.7	8.6	6.5	-5.5	7.2	8.3	0.5	0.5	-2.2	-1.4	-3.1	0.4
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	12,250	2,097 (090)	23,123 (1.0)	37.0	5.5	-	49.2	16.3	-	0.7	-	1.2	11.4	1.2	-3.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,800	62,875 (2,705)	18,973 (0.8)	6.7	15.2	13.8	11.9	19.3	19.4	2.9	3.0	2.3	4.1	-5.2	-5.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,350	5,622 (242)	45,430 (2.0)	30.5	25.3	9.5	21.2	1.8	4.6	0.4	0.4	2.7	9.4	-11.9	-11.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,400	3,771 (162)	7,066 (0.3)	17.1	5.4	5.5	6.9	13.8	14.9	0.7	-	0.0	5.5	-14.4	-20.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	106,500	48,267 (2,077)	88,255 (3.8)	0.0	10.1	8.5	25.8	34.4	32.5	3.0	2.3	0.7	-1.3	-7.5	-6.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	81,500	18,353 (790)	73,491 (3.2)	0.0	13.8	12.3	20.3	27.7	27.1	3.2	2.9	0.0	-3.0	-7.9	-5.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,100	1,183 (051)	953 (0.0)	68.2	24.2	-	-40.0	4.9	-	1.2	-	6.9	10.0	10.8	8.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,200	1,437 (062)	5,231 (0.2)	2.9	4.6	4.6	-3.9	21.1	18.8	0.9	0.8	-1.1	10.3	-7.6	-13.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	38,900	5,271 (227)	14,141 (0.6)	43.1	4.8	17.6	31.3	35.3	-	1.5	-	2.1	17.2	0.0	1.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	99,000	12,944 (557)	4,681 (0.2)	45.7	20.1	18.8	4.8	19.7	20.0	3.6	3.4	-2.0	-2.0	12.5	8.2
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	55,000	4,126 (178)	859 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-1.8	3.8	1.3
	FPT	FPT CORP	53,600	36,356 (1,564)	105,384 (4.5)	0.0	9.7	8.9	26.6	25.1	26.1	2.2	1.9	1.9	3.5	-6.8	-8.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công**

congl@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền**

huyenntt@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**

vinhn@kbsec.com.vn

### **Bộ phận Marketing Research**

**Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin**

shin.sy@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.